

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ
QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN TU MƠ RÔNG,
TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2023 - 2040, TẦM
NHÌN 2050

Cơ quan chủ đầu tư : Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông.
Đơn vị lập nhiệm vụ : Công ty TNHH Đông Sáng Kon Tum.
Cơ quan thẩm định : Sở Xây dựng Kon Tum.
Cơ quan phê duyệt : Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2023

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
ĐÔNG SÁNG KON TUM



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phong Vũ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN TU MƠ RÔNG
GIAI ĐOẠN 2023-2040, TẦM NHÌN 2050.

PHẦN I
LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

I. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch:

Huyện Tu Mơ Rông được thành lập theo Nghị định số 76/2005/NQ-ND, ngày 09/06/2005 của Chính phủ trên cơ sở chia tách địa giới hành chính từ huyện Đăk Tô tỉnh Kon Tum. Là huyện miền núi, vùng cao và đặc biệt khó khăn nằm ở phía Bắc tỉnh Kon Tum có ranh giới hành chính: Phía Đông giáp huyện Kon Plông - tỉnh Kon Tum; Phía Tây giáp huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum; Phía Nam giáp huyện Đăk Tô và huyện Đăk Hà - tỉnh Kon Tum; Phía Bắc giáp huyện Đăk Glei - tỉnh Kon Tum và huyện Nam Trà My - tỉnh Quảng Nam với diện tích tự nhiên 85.744,25 ha (Khoảng 857,44 km²), dân số năm 2021 khoảng 27.167 người.

Từ khi được thành lập đến nay nhờ sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các sở ngành thuộc tỉnh, sự vào cuộc quyết liệt, nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, cũng như sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế và đặc biệt là những nỗ lực to lớn của chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư thời gian qua đã tạo lập nên khu trung tâm huyện nói riêng và trên toàn địa bàn huyện nói chung những nét đổi mới rõ rệt, kinh tế - xã hội phát triển tương đối toàn diện, đúng định hướng, kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện huyện đã từng bước đầu tư xây dựng dần hoàn thiện, diện mạo đô thị đã có những bước thay đổi đáng kể.

Huyện Tu Mơ Rông có Quốc lộ 40B chạy qua, đây là tuyến hành lang Đông Tây của tỉnh Kon Tum nối liền từ cửa khẩu quốc tế Bờ Y và thành phố Tam Kỳ Tỉnh Quảng Nam. Với những điều kiện thuận lợi, dễ dàng trong việc giao lưu các lĩnh vực kinh tế-xã hội với các tỉnh kề cận bằng những ưu thế riêng của huyện, đóng vai trò là điểm trung gian kết nối các khu vực có tiềm năng phát triển sẽ tạo động lực phát triển cho toàn vùng huyện Tu mơ rông. Huyện Tu mơ rông có những thuận lợi về điều kiện tự nhiên và khí hậu đặc thù, cảnh quan thiên nhiên



đẹp mang đặc trưng của vùng Bắc Tây nguyên. Vì thế trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn 2050, UBND tỉnh Kon Tum đã xác định rõ huyện Tu Mơ Rông sẽ phát triển mạnh về trồng sâm Ngọc Linh, cây dược liệu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, thủy điện và khai thác khoáng sản.

Việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện nhằm định hướng phát triển không gian vùng, định hướng phát triển đối với các khu vực đô thị, các điểm dân cư nông thôn, hệ thống giao thông và các cơ sở hạ tầng kinh tế- kỹ thuật – xã hội; phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp, du lịch – dịch vụ, ... bám sát định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh. Thu hút đầu tư các lĩnh vực chế biến dược liệu, nông-lâm sản công nghệ cao, đặc biệt là du lịch - dịch vụ, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, mang lại nhiều lợi ích phát triển kinh tế bền vững; phát triển đô thị huyện lỵ để tăng tỷ trọng dịch vụ- thương mại. Hoàn thành thắng lợi các mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025.

Việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, số 35/2018/QH14 của Quốc hội ngày 20/11/2018 và Luật Xây dựng sẽ là công cụ để định hướng, điều phối, kiểm soát quá trình phát triển đô thị, nông thôn trên địa bàn huyện và là cơ sở cho công tác lập quy hoạch đô thị, nông thôn, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng huyện.

Để hoàn thiện Tiêu chí số 01 về quy hoạch theo Bộ tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng mục tiêu về đích huyện Nông thôn mới và thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác và phát huy thế mạnh của địa phương, tổ chức, quản lý, khai thác không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển du lịch – dịch vụ, công nghiệp, thương mại, sản xuất nông nghiệp gắn với việc gìn giữ các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái của khu vực, đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài, xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông sẽ làm cơ sở để quản lý Đô thị và Nông thôn ngày càng hiệu quả hơn. Do đó, việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2023-2040 tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 là cần thiết và cấp bách, đặc biệt trong giai đoạn tới, xu thế đô thị hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện sẽ diễn ra hết sức mạnh mẽ.

II. Căn cứ lập nhiệm vụ quy hoạch.



1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của luật Xây dựng ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021; ;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 21/12/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật”, Mã số QCVN 07:2016/BXD;



- Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện 03 lĩnh vực đột phá phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định 612/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum ngày 14/12/2018.

- Quyết định số 1125/QĐ-UBND, ngày 29/9/2005 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị trấn Huyện lỵ Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 140/QĐ-UBND, ngày 25/1/2006 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị trấn huyện lỵ huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 884/QĐ-UBND, ngày 27/8/2010 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt đồ án Mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ huyện Tu Mơ Rông về phía Nam, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum;

- Công văn số 444/SXD-QHKT, ngày 31/3/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

- Quyết định số 670/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

- Thông báo số 350-TB/HU ngày 7/11/2022 của Huyện ủy Tu Mơ Rông về kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy (đột xuất);

- Thông báo số 942/TB-VP, ngày 24/2/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ngọc Tuấn về công tác đầu tư, quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 397/UBND-TCKH ngày 08/3/2023 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc giao nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

- Quyết định số 67/QĐ-UBND, ngày 23/3/2023 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc phê duyệt dự toán chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn công trình: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2023-2030, định hướng 2040;

- Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 4/4/2023 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn lập nhiệm vụ Công

trình: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2023-2030, định hướng 2040;

- Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

2. Các nguồn tài liệu, số liệu liên quan:

- Dự thảo đồ án quy hoạch tỉnh Kon tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.
- Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội huyện Tu Mơ Rông đến năm 2024, định hướng đến năm 2030
- Các đồ án quy hoạch ngành của tỉnh Kon Tum.
- Các đồ án quy hoạch ngành trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông và các xã.
- Các số liệu hiện trạng kinh tế, văn hoá, xã hội liên quan đến khu vực quy hoạch do chủ đầu tư và các ban ngành cung cấp.
- Các số liệu, tài liệu về khí tượng, thuỷ văn, địa chất, và các số liệu khác có liên quan.

3. Các cơ sở bản đồ:

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Tu Mơ Rông tỷ lệ 1/25.000
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất Tu Mơ Rông tỷ lệ 1/25.000
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các xã tỷ lệ 1/10.000.
- Bản đồ địa chính (bản đồ giải thửa) khu vực lập quy hoạch.

III. Quy mô, phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch thuộc toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Tu Mơ Rông được xác định như sau:

Phía đông giáp huyện Kon Plông

Phía tây giáp huyện Ngọc Hồi

Phía nam giáp huyện Đăk Tô và huyện Đăk Hà

Phía bắc giáp huyện Đăk Glei và huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Huyện Tu Mơ Rông có 11 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 11 xã: Đăk Hà (huyện lỵ), Đăk Na, Đăk Rơ Ông, Đăk Sao, Đăk Tờ Kan, Măng Ri, Ngọc Lây, Ngọc Yêu, Tê Xăng, Tu Mơ Rông và Văn Xuôi.

2. Quy mô nghiên cứu quy hoạch:

Quy mô diện tích theo phạm vi nghiên cứu là 85.744,25 ha(857,44km²).



3. Quy mô dân số.

Quy mô dân số khoảng 29.657 người (hiện trạng năm 2022) trong đó 100% là dân số nông thôn, mật độ dân số 34 người/km².

4. Thời hạn quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn: 2030
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.
- Tầm nhìn đến năm 2050

-----o0o-----



PHẦN II

KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÙNG QUY HOẠCH VÀ CÁC PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẠI CÁC QUY HOẠCH LIÊN QUAN TÁC ĐỘNG ĐẾN VÙNG LẬP QUY HOẠCH.

I. Khái quát đặc điểm tự nhiên và hiện trạng của vùng lập quy hoạch.

1. Vị trí địa lý

Tu Mơ Rông là huyện miền núi và vùng cao, nằm ở phía Bắc tỉnh Kon Tum, bao gồm 11 xã (Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Văn Xuôi, Ngọc Lây, Ngọc Yêu, Tê Xăng, Măng Ri, Đăk Tờ Kan, Đăk Rơ Ông, Đăk Sao và Đăk Na) với diện tích tự nhiên 85.744,25 ha chiếm 8,86% diện tích trên toàn tỉnh, dân số năm 2022 là 29.331 người chiếm 5,06% dân số toàn tỉnh (579.914 người).

- Toạ độ địa lý:

+ Từ 14017'00" đến 15001'58" Vĩ độ Bắc

+ Từ 107042'12" đến 108010'00" Kinh độ Đông.

Ranh giới hành chính:

- Phía Đông giáp huyện Kon Plông - tỉnh Kon Tum

- Phía Tây giáp huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum

- Phía Nam giáp huyện Đăk Tô và huyện Đăk Hà - tỉnh Kon Tum

- Phía Bắc giáp huyện Đăk Glei - tỉnh Kon Tum và huyện Nam Trà My - tỉnh

Quảng Nam.

Quốc lộ 40B đi từ huyện Đăk Tô qua địa bàn huyện Tu Mơ Rông, huyện Nam Trà My, Tiên Phước, Phú Ninh và thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam dài 209 km. Đây là trục giao thông đối ngoại chính của huyện, tạo điều kiện đưa huyện Tu Mơ Rông gần hơn với các tỉnh lân cận như Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, điều này sẽ tạo thuận lợi, làm động lực tham gia vào sự phát triển vùng liên tỉnh và chịu ảnh hưởng lớn của những khu vực phát triển này trong quá trình giao lưu kinh tế-xã hội liên vùng.

2. Địa hình, địa mạo

Địa lý của Huyện có địa hình phức tạp, bị chia cắt nhiều bởi các suối, hợp thủy và núi cao. Địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Huyện có nhiều bậc thềm địa hình, tạo nên nhiều kiểu địa hình đa dạng: Gò đồi, núi cao và vùng trũng xen kẽ nhau khá phức tạp. Trong đó nổi bật là địa hình đồi núi; địa hình đồi núi bao quanh tạo thành những thung lũng hẹp cũng là vùng sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, chính sự đa dạng, phong phú và phức tạp của địa hình đã tạo cho Tu mơ rông có nhiều cảnh quan thiên nhiên đặc sắc. Nhìn chung

địa hình toàn huyện có dạng đồi núi là chính, chiếm hơn 80% diện tích tự nhiên toàn huyện, có ba dạng địa hình chính:

- Địa hình núi trung bình: Phân bố ở sườn núi phía Nam đỉnh núi Ngọc Linh cao 2.598 m; Núi Ngọc Tu Măng cao 1.994m, Ngọc Puôk cao 2.370m, Ngọc Păng cao 2.378m. Độ cao trung bình so với mặt nước biển 1.000-2.333m, gồm các dãy núi phía Bắc và Đông Bắc huyện, thuộc địa bàn các xã Đăk Na, Ngọc Lây, Tê Xăng, Măng Ri, Ngọc Yêu. Độ dốc khu vực này trên 250, trong khu vực có nhiều thung lũng hẹp, sâu.

- Địa hình núi thấp: Có độ cao trung bình 800-1.000m, phân bố ở phía Bắc và Đông của huyện, có nhiều thung lũng hẹp và sâu.

- Địa hình thấp được bồi tụ: Có độ dốc trung bình 550-600m; phân bố ở khu vực phía Nam và Tây Nam.

Nhìn chung, địa hình huyện rất đa dạng và phức tạp, mức độ chia cắt lớn, độ dốc cao ở phía Bắc và Đông. Địa hình phức tạp nên việc khai thác tiềm năng đất đai vào sản xuất nông lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn.

3. Khí hậu

- Khí hậu huyện Tu Mơ Rông là khí hậu Tây Trường Sơn; khu vực phía Đông Bắc gián tiếp ảnh hưởng của khí hậu Đông Trường Sơn. Chia làm 2 tiểu vùng khí hậu:

+ Tiểu vùng 1: Là khu vực trung tâm và phía Tây của huyện, bao gồm các xã Đăk Hà, Đăk Tô Kan, Đăk Rơ Ông, Đăk Sao. Tổng nhiệt độ năm từ 7.000-7.5000C; nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất (tháng 12 và tháng 01) đạt dưới 180C; nhiệt độ trung bình tháng cao nhất (tháng 4) khoảng 230C. Lượng mưa hàng năm tương đối cao, phổ biến từ 2.200-2.400mm; mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 11. Phù hợp với cây có nguồn gốc Á nhiệt đới.

+ Tiểu vùng 2: Thuộc khu vực Đông Bắc huyện bao gồm các xã Đăk Na, Măng Ri, Tê Xăng, Ngọc Lây, Ngọc Yêu, Tu Mơ Rông và Văn Xuôi. Tổng nhiệt độ năm từ 6.500-7.0000C. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất (tháng 12 và tháng 01) xuống dưới 180C; nhiệt độ trung bình tháng cao nhất (tháng 4) khoảng 230C. Lượng mưa hàng năm tương đối cao phổ biến từ 2.200-2.400mm; mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 11; tháng có lượng mưa và số ngày mưa cao là tháng 8,9,10.

* Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm khoảng 200C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất 32,50C (tháng 4), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất 70C (tháng 1), chênh lệch nhiệt độ giữa ngày đêm từ 7- 6,50C. Do đặc điểm địa hình nên ở những nơi thung lũng hẹp khuất gió nhiệt độ tăng cao về ban ngày và thấp về ban đêm.



Tổng nhiệt độ tại khu vực huyện Tu Mơ Rông ở mức tương đối thấp, khu vực Đông Bắc phổ biến từ 6.500 0C -7.000 0C khu vực còn lại từ 7.000-7.400 0C. Tổng nhiệt độ trong năm dưới 7.000 0C.

* Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình nhiều năm 2.200 - 2.600 mm và theo xu thế càng lên phía Bắc vùng thì lượng mưa càng lớn. Chế độ mưa chia thành hai mùa rõ rệt:

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10, chiếm tới trên 90% tổng lượng mưa cả năm. Mưa cực đại vào các tháng 7-9 và thường gây lũ quét, úng cục bộ.

+ Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Thời gian này có gió mùa Đông Bắc thịnh hành tăng thêm sự khô hạn và gây thiếu nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trong huyện.

Tại khu vực Đông Bắc huyện do có địa hình núi cao đón gió Tây Nam, nên lượng mưa lớn hơn phổ biến đạt trên 2.400mm. Khu vực còn lại của huyện phổ biến là địa hình núi, thung lũng có độ cao 800m-1.000m, có lượng mưa là 2.000-2.400mm.

* Chế độ ẩm: Tại huyện Tu Mơ Rông khu vực Đông Bắc có địa hình núi cao, mưa nhiều do vậy có độ ẩm lớn hơn khu vực phía Tây Nam huyện. Qua nhiều năm độ ẩm không khí trung bình năm 85%, tháng có độ ẩm không khí cao nhất 90% (tháng 8), tháng có độ ẩm không khí thấp nhất 73% (tháng 3).

*Lượng bốc hơi nước: Lượng bốc hơi trung bình nhiều năm khoảng 1.000mm/năm. Các tháng có lượng bốc hơi lớn nhất từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau, lượng bốc hơi trung bình từ 90 - 100 mm/tháng. Tổng lượng bốc hơi trong các tháng mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau khoảng 500 mm. Điều đó chứng tỏ mức độ khô hạn tại khu vực huyện Tu Mơ Rông nhẹ hơn các khu vực khác trong Tỉnh Kon Tum.

*Chế độ gió: Gió thịnh hành chủ yếu theo hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam:

+ Gió Đông Bắc xuất hiện khoảng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,5 - 5,4 m/s.

+ Gió Tây, Tây Nam xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 11, tốc độ gió từ 1,2 - 2,5m/s.

Nhìn chung huyện Tu Mơ Rông nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, là nơi có khí hậu quanh năm mát mẻ. Đây là những điều kiện thuận lợi cho nhiều loại cây trồng phát triển đặc biệt là vùng đất có nhiều loại cây dược liệu quý như: sâm Ngọc Linh, Hồng Đăng sâm (Sâm dây), Đương quy, Ngũ vị tử,

... Tu Mơ Rông được đánh giá là xứ sở của dược liệu bởi mảnh đất này đang có rất nhiều loại dược liệu được phân bố khắp các địa phương trong huyện, đặc biệt nhất là sâm Ngọc Linh.

4. Thủy văn

Trong huyện không có sông lớn mà chỉ có sông nhỏ và hệ thống suối đầu nguồn của các sông sau:

a) Sông Đăk Pxi: Lưu vực sông Đăk Pxi nằm trong địa bàn huyện có diện tích lớn nhất tập trung ở phía Đông - Nam huyện. Gồm các hệ thống suối như: Suối nước Chim, suối Đăk Pxi, suối Đăk Lây, suối Đăk Ter, suối Đăk Xe và một số hệ thống suối nhỏ khác. Suối dài 108 km, có nước quanh năm, suối dốc và có nhiều ghềnh thác nên khó bồi đắp phù sa.

b) Sông Đăk Tờ Kan: Phần lưu vực thuộc địa bàn huyện chủ yếu ở xã Đăk Tờ Kan, xã Đăk Rơ Ông (phía Nam của huyện).

c) Sông Prông Pô Kô: Các suối thuộc lưu vực sông Pô Kô phân bố chủ yếu ở Tây Bắc huyện (xã Đăk Na và xã Đăk Sao).

Ngoài ra, còn có nhiều suối nhỏ phân bố khắp các xã như suối Tác Na, Tác Lâng, Đăk Dâng, Đăk Trang, Đăk Hơ Dong, Hơ Rê, Đăk Hơ Nia ...

Tổng chiều dài các suối qua địa bàn huyện khoảng 263 km.

Kết quả tính toán từ số liệu quan trắc dòng chảy tại các trạm thủy văn trên các sông của tỉnh Kon Tum cho thấy, tổng lượng nước dòng chảy hàng năm của các sông ngòi trên địa bàn tỉnh là 9.111.106 m³, trong đó lượng mưa nội tỉnh tạo ra là chủ yếu, lượng mưa ngoại tỉnh chảy vào không đáng kể.

Tổng lượng dòng chảy năm phân bố không đều giữa các con sông và giữa các vùng. Tổng lượng dòng chảy năm của lưu vực sông Đăk Blà khoảng 2803.106 m³ chiếm 30,78% tổng lượng dòng chảy năm của cả tỉnh, sông Đăk PôKô khoảng 2375.106 m³ chiếm 26,07 %, sông Sa Thầy khoảng 1767.106 m³ chiếm 19,36 %, sông Krông PôKô khoảng 1650.106 m³ chiếm 18,13%, sông Đăk Cấm và Đăk Le khoảng 516.106 m³ chiếm 5,64%.

Nhìn chung các suối đều có nước quanh năm, nhưng so từ mặt nước với mặt đất sản xuất cao, nên việc khai thác vào sản xuất rất khó khăn.

5. Hiện trạng hệ thống kết cấu Hạ tầng:

5.1 Hệ thống giao thông:

Huyện Tu Mơ Rông có loại hình vận tải chính là giao thông đường bộ, không có đường sắt, cảng biển và cảng hàng không. Đường bộ là phương thức chủ đạo duy nhất trên địa bàn tỉnh với tỷ lệ đảm nhận gần như 100% về khối lượng vận chuyển về hàng hoá và hành khách. Trên địa bàn huyện có những tuyến giao thông chính như sau:



- Quốc lộ: Hiện trên địa bàn huyện có tuyến Quốc lộ 40B đi qua với chiều dài qua huyện là 61,94km, kết cấu mặt đường nhựa chủ yếu, một số đoạn là BTXM hoặc BTN, tình trạng đường trung bình. Đây là tuyến đường giao thông đối ngoại chính của huyện.

- Tỉnh Lộ 672: Tỉnh Lộ 672 nối từ Quốc lộ 40B đi các xã Tê Xăng, Măng Ri chiều dài 10,6km mặt đường nhựa và BTXM, tình trạng đường trung bình, nhiều đoạn xuống cấp.

- Tỉnh Lộ 678: Chiều dài 28km nối từ Quốc lộ 40B đi các xã Đăk Tờ Kan, Đăk Rơ Ông, Đăk Sao, Đăk Na chủ yếu là đường nhựa và BTXM tình trạng đường trung bình.

- Tuyến đường Ngọc Hoàng - Măng Bút – Tu Mơ Rông - Ngọc Linh chiều dài 38km nối các huyện Kon Plong, Tu Mơ Rông và Đăk Glei, đây là một trong những hành lang kinh tế trong dự thảo quy hoạch vùng tỉnh. Hiện tình trạng đường trung bình.

5.2 Hệ thống cấp thoát nước:

5.2.1 Hiện trạng cấp nước sinh hoạt:

Trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông hệ thống cấp nước sinh hoạt cho người dân kết hợp giữa cấp nước tập trung, giếng đào. Công trình cấp nước tập trung nông thôn được đầu tư từ nhiều chương trình, dự án để cung cấp nước sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe người dân, bảo đảm an sinh xã hội, phát triển KT-XH khu vực nông thôn, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn;

5.2.1 Hiện trạng thoát nước:

Mạng lưới thoát nước hiện tại là hệ thống công chung, nước thải và nước mưa cùng đổ vào một đường ống. Hệ thống công chung tại khu vực chưa hoàn chỉnh nên chưa đáp ứng vấn đề thoát nước của khu vực. Nước mưa và nước thải thoát tự nhiên vào các kênh, mương, sông.

Trong khu vực trung tâm huyện có nhà vệ sinh tự hoại được coi là xử lý sơ bộ, nhưng không được quản lý, kiểm tra nên các bể tự hoại đều xử lý không tốt nên chất lượng nước thải sau xử lý tự hoại đều không đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

Hệ thống thoát nước chung bao gồm các loại cống ngầm bằng bê tông cốt thép kích thước D300 – D1500mm. Các mương hở, rãnh thoát nước, mương lấp đan kích thước BxH=700x700m, BxH = 1000x1000m.

- Nhìn chung hệ thống thoát nước hiện trạng là hệ thống thoát nước chung, chưa hoàn chỉnh.

- Khu vực nông thôn: Hệ thống thoát nước chủ yếu là thoát tự nhiên và chưa được đầu tư xây dựng.

5.3 Hệ thống cấp điện:

5.3.1 Nguồn điện:

Hiện trạng huyện Tu Mơ Rông có 7 NMTĐ (nhà máy thủy điện nhỏ) tổng công suất khoảng 75,8MW và 5 NMTĐ đang được triển khai xây dựng với công suất khoảng 41,8MW.

5.3.2 Lưới điện:

Hiện trạng trên địa bàn huyện lưới điện có tuyến đường dây 110KV như tuyến Tân Mai – TĐ Đăk Psi 5 dài 15,1Km, tuyến Đăk Psi 5- Đăk Psi 1 dài 11,5km, tuyến Đăk Psi 4- Đăk Psi 2B dài 16,2km và tuyến Đăk Tô - Đăk Psi 4 dài 30,9km; tuyến đường dây trung áp chủ yếu là tuyến 22KV.

5.4 Hiện trạng công trình thủy lợi :

Hiện trạng huyện Tu Mơ Rông có 74 công trình thủy lợi với công suất tưới thiết kế khoảng 951,2ha phục vụ tưới cho 679,79ha

II. Đánh giá chung về hiện trạng khu vực lập quy hoạch

Huyện Tu Mơ Rông nằm trên trục đường Quốc lộ 40B. Là huyện nằm phía Đông Bắc của tỉnh, giáp với tỉnh Quảng Nam (tại huyện Nam Trà My); hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, đa dạng tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, con người, văn hóa... có điều kiện quan trọng để huyện khai thác, phát triển du lịch sinh thái - văn hóa.

Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh Kon Tum, huyện Tu Mơ Rông Là vùng kinh tế nông nghiệp chủ yếu là cây hàng năm và dược liệu, huyện có tiềm năng về du lịch, thủy điện, khai thác vật liệu xây dựng và khai thác chế biến khoáng sản. Huyện Tu Mơ Rông có QL 40B, đường Tỉnh 672 và đường Tỉnh ĐT 678 là mạch máu giao lưu kinh tế của huyện với các vùng lân cận, có ý nghĩa về kinh tế, chính trị, thúc đẩy việc giao thương hàng hóa.

Huyện Tu Mơ Rông còn nằm trong vùng giàu tài nguyên rừng, nằm trong vùng có nhiều tiềm năng về nông, lâm sản, hình thành các vùng sản xuất tập trung. Đó là những động lực quan trọng để Tu Mơ Rông phát triển bền vững và toàn diện trong tương lai không xa, là một trong các cực tăng trưởng kinh tế xã hội của tỉnh Kon Tum.

III. Các phương hướng phát triển và phương án quy hoạch tại các quy hoạch liên quan, có tác động đến vùng lập quy hoạch. Nêu khái quát những vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch huyện.

1. Các phương hướng phát triển và phương án quy hoạch tại các quy hoạch liên quan, có tác động đến vùng lập quy hoạch.

1.1 Đồ án quy hoạch tỉnh Kon tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Các định hướng lớn tạo tiền đề và đột phá phát triển: Giai đoạn 2021-2030, tập trung phát triển 04 ngành, nhóm ngành mũi nhọn của Tỉnh, bao gồm: Nhóm ngành nông-lâm nghiệp; Nhóm ngành công nghiệp chế biến; Ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Ngành du lịch và 09 sản phẩm chủ lực của Tỉnh, bao gồm: Du lịch sinh thái, Sản phẩm trồng trọt ứng dụng công nghệ cao; Sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; Cà phê và các sản phẩm chế biến từ cà phê; Sâm Ngọc Linh, các sản phẩm chế biến từ Sâm Ngọc Linh, các sản phẩm chế biến từ Sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu; Gỗ và các sản phẩm sản xuất từ gỗ; phát triển năng lượng, điện năng;

- Trong quy hoạch vùng tỉnh Kon Tum thì huyện Tu Mơ Rông nằm trên 2 hành lang phát triển kinh tế của tỉnh Kon Tum đó là:

+ Hành lang Đông – Tây (hành lang dọc theo 40B): Đây là hành lang có sức ảnh hưởng và đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh cũng như của huyện Tu Mơ Rông. Là hành lang phát triển động lực của huyện và thứ cấp của Tỉnh đến năm 2030,2050. Tính chất phát triển: Công nghiệp –Nông nghiệp - Dịch vụ - Đô thị - Du lịch, văn hóa, cảnh quan và môi trường...

+ Hành lang Đông Bắc- Tây Nam (hành lang dọc theo ĐT672, HL67): Đây là hành lang khai thác đặc thù quan trọng, có ảnh hưởng và đóng góp lớn về kinh tế Nông nghiệp và du lịch dịch cho Tỉnh cũng như của huyện. Được xác định là hành lang phát triển động lực của huyện đến năm 2030, 2050. Tính chất phát triển: Nông nghiệp và Du lịch, văn hóa, cảnh quan và môi trường.

- Quy hoạch vùng tỉnh Kon Tum cũng đã xác định huyện Tu Mơ Rông có những thế mạnh để phát triển kinh tế như sau:

+ Địa hình đa dạng (đồi núi, thung lũng, cao nguyên), cảnh quan đẹp, khí hậu mát mẻ, rong lạnh;nước và thủy năng lớn ...thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và du lịchvới nhiều sản phẩm phong phú đặc sắc.

+ Đất đai với diện tích lớn, tỷ lệ chưa xây dựng lớn (chiếm hơn 90%); rừng (63,02%) với đa dạng sinh học và hệ gen,giống quý.

+ Tài nguyên phong phú; đặc biệt là rừng Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh;khoáng sản và hệ thống tài nguyên du lịch, lịch sửvà nhân văn.

+ Dân cư với dân tộc Xê đăng có bề dày truyền thống văn hóa đặc thù và lịch sử dựng nước & giữ nước phong phú.

+ Nông nghiệp-Dịch vụ với nhiều loại sản phẩm nổi tiếng đặc biệt cây dược liệu có giá trị kinh tế cao như sâm Ngọc Linh.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng thiết yếu như: điện, đường, trường trạm..vv, một cách đồng bộ, hoàn chỉnh và hiện đại; gắn kết với 3 hành lang kinh tế quan trọng là hành lang QL40B & hành lang ĐT.672- 676.

- Phát triển khu vực Huyện lỵ và xã Tu Mơ Rông thành khu du lịch Quốc gia (Đà Lạt thứ 2) gắn kết với khu Ngọc Linh và Măng Đen thành một tuyến du lịch lớn; trong đó xây dựng các khu điểm du lịch khác có quy mô thích hợp trong vùng theo hướng trang trại du lịch; Business Park du lịch hoặc các Resort để tăng cường hạ tầng du lịch trong vùng; nhằm thúc đẩy phát triển du lịch trong vùng.

- Giai đoạn 2023-2030 Đầu tư phát triển 2 cụm công nghiệp tại xã Đăk Hà và xã Đăk Rơ Ông với diện tích khoảng 85ha và giai đoạn sau 2030 đầu tư thêm 1 cụm công nghiệp với diện tích khoảng 70ha.

1.2 Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội huyện Tu Mơ Rông đến năm 2024, định hướng đến năm 2030.

Phát huy lợi thế về đất đai, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, huy động các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, chú trọng phát triển cây dược liệu, cây nông nghiệp có giá trị kinh tế cao nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế huyện Tu Mơ Rông phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút dân cư đô thị, phấn đấu hình thành thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông trước năm 2025. Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Thực hiện tiến bộ công bằng xã hội. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành chính quyền các cấp. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 12%, tỷ trọng nông lâm thủy sản còn khoảng 25%, tỷ trọng công nghiệp xây dựng 45%, thương mại dịch vụ khoảng 35%.

2. Những vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch huyện:

- Địa hình bị chia cắt mạnh, gây khó khăn cho việc bố trí tập trung và cân đối hạ tầng kinh tế theo khu vực.

- Cấu trúc tổng thể không gian KTXH với mật độ dân cư thấp khoảng (34ng/km²) phân bố dàn trải; gây khó khăn cho đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; phát triển bất cân đối lãnh thổ.

- Hệ thống đô thị chưa phát triển, phân tán, dàn trải nên ít tạo được sức hút, lực kéo tạo nên sự dịch cư lớn, hệ thống đô thị chưa tạo đột phá cho phát triển Kinh tế.

- Hệ thống các điểm dân cư nông thôn phân bố bất quy tắc, khá dày đặc ở những tuyến đường trục chính; trở ngại cho các hoạch định về KTXH; khó áp dụng khoa học kỹ thuật quy mô lớn vào các ngành kinh tế (đặc biệt là nông nghiệp).

- Tổng vốn cơ sở vật chất còn thấp; khoáng sản nhiều nhưng chưa khai thác nhiều, nền đất chia cắt mạnh; Quy mô GRDP còn thấp, chuyển dịch cơ cấu kinh

tế còn chậm, Tỷ trọng nông nghiệp còn cao, quy mô sản xuất còn nhỏ; đổi mới về khoa học công nghệ còn chậm ...

- Ngành Công nghiệp chưa phát triển; sản xuất với trình độ khoa học công nghệ chưa cao, ít có doanh nghiệp có quy mô lớn. Ngành dịch vụ đặc biệt là du lịch và kinh tế chưa phát huy hiệu quả tiềm năng; Nông nghiệp truyền thống (đặc biệt là trồng rừng, cây Công nghiệp) đã khai thác hết tiềm năng; khó tăng sản lượng.

- Chưa có hạ tầng cơ sở lớn cho ngành chăn nuôi gia cầm gia súc; hiện đang tự phát trong dân, gây ô nhiễm và dịch bệnh.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chưa nhiều.

- Việc bố trí cơ cấu kinh tế dàn trải theo lãnh thổ chưa hiệu dụng hết các lợi thế so sánh; Đô thị nhỏ, phân tán, sức hút kém Địa hình bị chia cắt mạnh điểm mạnh của từng khu vực đặc thù.

-----o0o-----



PHẦN III

XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU QUY HOẠCH, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA VÙNG

I. Quan điểm:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum gắn với định hướng phát triển đã xác định trong quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

-Phát triển nhanh, bền vững, dựa trên phát triển chủ lực về nông nghiệp, sản xuất hàng hóa giá trị cao như sản xuất chế biến dược liệu, sâm Ngọc Linh.

-Phát triển các cụm công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng. Phát triển các doanh trại nông nghiệp công nghệ cao.

-Phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch gắn với thúc đẩy đô thị hoá thị trấn huyện lỵ, các điểm dân cư nông thôn và các khu vực tiềm năng khác.

-Đẩy mạnh kết nối với cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, thành phố Tam Kỳ, thành phố Kon Tum và các khu, điểm du lịch của tỉnh;

-Phát triển hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn.

Tạo sự phát triển hài hòa giữa các ngành kinh tế nông lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng du lịch và thương mại - dịch vụ. Tận dụng tối đa các tiềm năng, cơ sở và bản sắc văn hóa địa phương giúp huyện trở thành huyện có tiềm năng phát triển khá của Tỉnh Kon Tum, đưa diện mạo nông thôn ở những bản làng vùng cao, vùng khó khăn đổi thay ngày một nhanh chóng và bền vững.

II. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội huyện Tu Mơ Rông đến 2024, định hướng đến năm 2030.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc. Hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2030; xây dựng huyện Tu Mơ Rông giàu mạnh, văn minh, phấn đấu nằm trong trung bình khá khối huyện của toàn tỉnh.

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Tu Mơ Rông, thúc đẩy phát triển ngành kinh tế mũi nhọn. Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng

các cụm công nghiệp, các điểm du lịch - dịch vụ gắn liền với cảnh quan thiên nhiên và dân cư, các khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Đề xuất phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, tổ chức phát triển giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

+ Định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, khai thác khoáng sản...

+ Đưa ra các quan điểm, xác định mục tiêu phát triển, thiết lập tầm nhìn và chiến lược phát triển của huyện; xác định phương án tổng thể, định hướng không gian cho các nhu cầu xuất hiện trong tương lai; hình thành được danh mục các dự án, thứ tự ưu tiên cũng như các giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các kịch bản phát triển.

+ Quy hoạch vùng huyện tập trung vào việc phân bố không gian có tính chiến lược các hoạt động kinh tế - xã hội ở cấp huyện, vùng liên huyện, đặc biệt là không gian cho hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu, những khu vực có vai trò động lực phát triển của huyện; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch vùng với quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển nhanh và bền vững.

+ Xác định các phương án phát triển vùng huyện, đáp ứng cao nhất nhu cầu giao thương, hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Đây là việc tổ chức không gian vùng huyện để thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường trên địa bàn huyện.

+ Cụ thể hóa Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

+ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông phù hợp với các tiêu chí theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

+ Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

+ Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp, các thế mạnh, tiềm năng và lợi thế của vùng đảm bảo phát triển hài hòa bền vững giữa đô thị và nông thôn.

+ Quy hoạch vùng huyện gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng huyện.

+ Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển

+ Định hướng phát triển không gian vùng huyện: Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng; Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển;

+ Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;

+ Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn toàn huyện

+ Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội

+ Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan vùng.

+ Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

III. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng.

- Là huyện phát triển kinh tế tổng hợp với các thế mạnh về du lịch, công nghiệp nhẹ, nông nghiệp công nghệ cao và cây dược liệu.

- Là vùng kinh tế nông nghiệp chủ yếu là cây hàng năm và dược liệu, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh theo hướng công nghệ cao; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển thương mại, dịch vụ.

- Là huyện nông thôn mới của tỉnh, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao phù hợp với quá trình đô thị hóa;

-----o0o-----

PHẦN IV

CƠ SỞ VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG. DỰ BÁO VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

I. Cơ sở và phương pháp xác định động lực phát triển vùng; các dự báo phát triển

1 Xác định các tiền đề, động lực phát triển kinh tế - xã hội huyện.

- Xác định vị thế và vai trò của Huyện trong mối quan hệ liên vùng: Vị thế và vai trò của huyện Tu Mơ Rông trong tổng thể tỉnh Kon Tum và mối quan hệ với các địa phương lân cận.

- Xác định tầm nhìn phát triển vùng: Phát triển vùng huyện đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo các yêu cầu:

+ Xây dựng Tu Mơ Rông trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa phía Đông-Bắc của tỉnh Kon Tum.

+ Khai thác tối đa các tiềm năng của vùng Huyện để phát triển 04 ngành theo định hướng của quy hoạch vùng tỉnh, nhóm ngành mũi nhọn của Tỉnh, bao gồm: Nhóm ngành nông-lâm nghiệp; Nhóm ngành công nghiệp chế biến; Ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Ngành du lịch và 09 sản phẩm chủ lực của Tỉnh, bao gồm: Du lịch sinh thái, Sản phẩm trồng trọt ứng dụng công nghệ cao; Sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; Cà phê và các sản phẩm chế biến từ cà phê; Sâm Ngọc Linh, các sản phẩm chế biến từ Sâm Ngọc Linh, các sản phẩm chế biến từ Sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu; Gỗ và các sản phẩm sản xuất từ gỗ; phát triển năng lượng, điện năng; mang lại nhiều lợi ích phát triển kinh tế bền vững nhất cho cư dân bản địa. giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy những nét văn hoá độc đáo của địa phương. Tu Mơ Rông có nhiều tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, giá trị về lịch sử, văn hóa bản địa của các dân tộc, tập tục và lối sống, văn hóa ẩm thực phong phú của các dân tộc là cơ sở để phát triển mạnh loại hình du lịch cộng đồng.

+ Phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển với tốc độ nhanh và bền vững. Thu hút và đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nội lực vững mạnh và môi trường thuận lợi, để thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư và công nghệ mới từ bên ngoài.

+ Phát huy yếu tố nguồn lực con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nghề, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho lao động nông thôn.



- + Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.
- Các tiền đề phát triển vùng huyện Tu Mơ Rông: Giai đoạn đến năm 2040, tập trung phát triển 04 ngành, nhóm ngành mũi nhọn theo định hướng quy hoạch tỉnh. Trong đó, bao gồm:
 - + Dự báo về các động lực kinh tế chủ đạo của quy hoạch và các phân vùng theo tính chất.
 - + Dự báo quy mô dân số, lao động, cơ cấu lao động và xu hướng dịch chuyển cơ cấu dân cư và lao động, tỉ lệ tăng trưởng cơ học và nguồn dịch cư trong ngoài huyện.

2. Dự báo quy mô dân số Tổng hợp dự báo dân số huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

2.1. Các thông tin tham khảo về dự báo dân số của toàn huyện Tu mơ rông.

** Theo Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Tu mơ rông đến năm 2025* được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018.

-Theo đó:

- + Đến năm 2030 Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình là 1,3%/năm.
- + Đến năm 2025 dân số toàn huyện đạt khoảng 37.000 người. Đến năm 2030 đạt khoảng 44.000 người.

**Theo Quy hoạch tỉnh Kon tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đang chờ phê duyệt.*

-Theo đó:

- + Đến năm 2030 Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình là 1,3%/năm.
- + Đến năm 2025 dân số toàn huyện đạt khoảng 30.000 người. Đến năm 2030 đạt khoảng 31.500 người.

2.2. Phương pháp dự báo dựa trên tỷ lệ thực tế tăng dân số tự nhiên và cơ học trên cơ sở phát triển kinh tế-xã hội qua các thời kỳ.

- Theo thống kê hiện tại, dân số hiện trạng toàn Huyện đến hết năm 2022 là 29.657 người. Tỷ lệ tăng tự nhiên đến hết năm 2022 là 1,6%/năm. Tỷ lệ tăng cơ học cùng thời gian là 1,5%/năm.

- Dự báo đến hết năm 2025 :

+ Tỷ lệ tăng tự nhiên vẫn giữ tỷ lệ 1,6%/năm. Tỷ lệ tăng cơ học cùng thời gian vẫn là 1,5%/năm.

- Dự báo đến hết năm 2030 :



+ Tỷ lệ tăng tự nhiên vẫn giữ tỷ lệ 1,4%/năm. Tỷ lệ tăng cơ học cùng thời gian là 1,7%/năm (Do thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông được tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật-xã hội, hấp dẫn dân cư đến sinh sống lập nghiệp).

- Dự báo đến hết năm 2040 :

+ Tỷ lệ tăng tự nhiên là 1,3%/năm. Tỷ lệ tăng cơ học cùng thời gian là 2,1%/năm (Do toàn huyện lỵ Tu Mơ Rông được quy hoạch các chức năng rõ ràng, các cụm công nghiệp chế biến, khai thác và sản xuất vật liệu, các doanh trại nông nghiệp công nghệ cao hoàn thành và được tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật-xã hội, hấp dẫn dân cư đến sinh sống lập nghiệp).

-Phương pháp tính dân số tăng tự nhiên và cơ học từng thời kỳ áp dụng công thức: - Được tính toán theo công thức: $N = N_0 \cdot (1+r)^n$

Trong đó:

+ N : Là dân số dự báo tại thời điểm dự báo t

+ N₀: Là dân số hiện tại

+ r: Là tỉ lệ tăng dân số hàng năm.

+ n: Là thời điểm dự báo (số năm).

2.3. Dự báo dân số:

- Đến năm 2025: là 29.934 người.

- Đến năm 2030: là 30.493 người.

- Đến năm 2040: là 31.644 người.

3. Dự báo nhu cầu sử dụng đất.

Lựa chọn các chỉ tiêu về sử dụng đất theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù trên cơ sở tính toán, xác định cụ thể theo luận cứ và tham khảo, cập nhật số liệu của các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị, nông thôn, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp... theo các giai đoạn lập quy hoạch.

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trên địa bàn huyện được dự báo dựa trên cơ sở số dân và mật độ dân số, hiện trạng sử dụng đất của huyện, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ và nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện, điều kiện cơ sở hạ tầng, địa hình, địa chất, thủy văn.... Dự báo đất xây dựng toàn huyện đến năm 2030, 2040 và nghiên cứu, bổ sung dự báo nhu cầu sử dụng đất theo thời hạn lập quy hoạch.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.



Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế- xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật... đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực.

Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1000 người	30-35	40-45
	Tăng TB/năm trong giai đoạn, trong đó:	%		
	+ Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	%		
	+ Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm	%		
2	Tỷ lệ đô thị hóa	%	22,22	33
3	Đất dân dụng tại các đô thị	m²/người	70-100	50-80
4	Đất ở trung bình tại các đô thị	m²/người	45-55	28-45
5	Chỉ tiêu cấp điện			
5.1	Cấp điện sinh hoạt			
	- Các đô thị	W/người	200	330
	- Các điểm dân cư nông thôn	W/người	≥150	≥150
5.2	Công nghiệp	kw/ha	50 - 250	50 - 250
5.3	Công cộng - dịch vụ			
	- Các đô thị	(tính bằng % phụ tải điện SH của ĐT)	30	30
	- Các điểm dân cư nông thôn	(tính bằng % phụ tải điện SH của ĐT)	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước			
6.1	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	- Các đô thị		100	120
	- Các điểm dân cư nông thôn		60	80
6.2	Công nghiệp	m³/ha.ngđ		
6.3	Công cộng	%(Qsh)	10	10
7	Thu gom nước thải			
7.1	Thu gom nước thải sinh hoạt			
	- Các đô thị	%(Qsh)	90	95
	- Các điểm dân cư nông thôn	%(Qsh)	80	80
7.2	Thu gom nước thải công nghiệp	% Qcn	100	100
8	Cây xanh đô thị			

Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2040, tầm nhìn đến năm 2050.

	Đô thị loại V	m ² /người	≥5	≥5
9	Đất giao thông đô thị			
	- Tính đến đường liên khu vực	% đất xây dựng	6	6

(Lấy theo QCVN 01:2021/BXD QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG)

-----o0o-----



PHẦN V

YÊU CẦU VỀ MỨC ĐỘ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÙNG QUY HOẠCH, YÊU CẦU CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Đánh giá thực trạng phát triển vùng huyện:

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá về điều kiện tự nhiên: Thu thập các tài liệu điều tra và đánh giá về điều kiện tự nhiên, trong đó trọng tâm là hệ thống sông, hồ, các tai biến địa chất như động đất, sạt lở, lũ quét các hiện tượng tự nhiên đặc thù như dông, sương muối, mưa đá và các diễn biến thiên tai và tai biến môi trường khác ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, sản xuất cũng như phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tiềm năng về đất đai và khả năng sử dụng cho xây dựng, các vùng tự nhiên có giá trị...

- Đánh giá các vùng tự nhiên có tiềm năng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, kinh tế công nghiệp, dịch vụ, tiềm năng phát triển du lịch. Đánh giá khái quát về môi trường tự nhiên.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá về điều kiện hiện trạng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực.

Thu thập tài liệu thống kê toàn huyện và thống kê theo các địa bàn hành chính các xã (ít nhất trong 3 năm gần nhất) về phát triển kinh tế; về công nghiệp; về nông nghiệp; về dịch vụ thương mại; về phát triển dân cư và phát triển đô thị; đánh giá thực trạng phân bố các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện; Đánh giá về thực trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Đánh giá thực trạng các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của huyện để có cơ sở dự báo khả năng huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Điều tra, thu thập các dự báo, định hướng ngành, các quy hoạch và dự án xây dựng.

II. Đánh giá hiện trạng phát triển của huyện theo các nhóm tiêu chí huyện nông thôn mới gồm:

Tiêu chí 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; Nhóm tiêu chí về quy hoạch; Nhóm tiêu chí về giao thông; Nhóm tiêu chí về thủy lợi; Nhóm tiêu chí về điện; Nhóm tiêu chí về Y tế - Văn hóa - Giáo dục; Nhóm tiêu chí về sản xuất; Nhóm tiêu chí về Môi trường; Nhóm tiêu chí về An ninh, trật tự xã hội, Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

-----o0o-----



PHẦN VI

YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CHÍNH QUY HOẠCH

I. Định hướng phát triển kinh tế.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, xây dựng các phương án phát triển kinh tế phân bố theo từng khu vực (Nông nghiệp, Thương mại - dịch vụ - du lịch, Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp). Nghiên cứu, cập nhật, đề xuất phương án khả thi về cơ cấu, ngành nghề, khả năng phát triển kinh tế của huyện.

- Xây dựng phương án phát triển không gian kinh tế theo các mô hình:

Mô hình 1:

Đa cực tập trung với thị trấn Tu Mơ Rông (Trung tâm huyện lỵ) và vùng phụ cận đóng vai trò là cực động lực chủ đạo; khu vực thị tứ hình thành mới đóng vai trò là cực động lực hỗ trợ.

Mô hình 2:

Phát triển đồng đều trên cơ sở thúc đẩy các trục hành lang kinh tế - đô thị phát triển gắn với các trung tâm đô thị - thị tứ trên địa bàn toàn huyện.

- Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm của các mô hình theo các yếu tố:

+ Khả năng phát huy tiềm năng và vị thế của huyện.

+ Khả năng liên kết không gian kinh tế của huyện trong tỉnh và vùng phụ cận.

+ Khả năng huy động và khai thác hiệu quả, bền vững các tiềm năng về tài nguyên, nguồn nhân lực, nguồn vốn,... của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội.

II. Đề xuất phân vùng phát triển.

Nhằm mục tiêu tạo lập không gian kinh tế xanh, phát triển bền vững, bảo tồn và phát huy các giá trị thiên nhiên, hiệu quả trong khai thác các tiềm năng thế mạnh của khu vực, phân vùng huyện Tu Mơ Rông thành 3 đến 4 tiểu vùng phát triển cân đối với hệ thống đô thị.

- Tổ chức mạng lưới trung tâm vùng, đô thị, nông thôn; Đề xuất khu vực phát triển kinh tế; Phân vùng quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch vùng lãnh thổ, hoặc phân khu theo các chức năng đặc thù. Định hướng chức năng các khu vực theo tính chất đô thị - nông thôn, công nghiệp nông nghiệp – nông nghiệp du lịch, đầu mối giao thông vùng, các lĩnh vực y tế, giáo dục, vùng bảo tồn cảnh quan, vùng nông nghiệp...

- Đề xuất vùng cảnh quan tự nhiên kết hợp với hệ thống không gian mở lớn cần khoanh vùng kiểm soát; Đề xuất các ranh giới kiểm soát phát triển các đô thị



và khu dân cư nông thôn, ranh giới các vùng, khu vực khuyến khích phát triển, hạn chế phát triển và cấm phát triển...

- Xác định mô hình phát triển không gian đô thị và nông thôn, gồm: động lực phát triển, cấu trúc, khung phát triển các hệ thống trung tâm, các khu vực dân cư nông thôn, vùng chức năng trên địa bàn huyện. Xác định khung cấu trúc hạ tầng kỹ thuật và các công trình kỹ thuật đầu mối.

- Phân vùng môi trường để gắn kết với mô hình cấu trúc không gian cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

III. Định hướng phát triển không gian vùng

- Cập nhật, đề xuất các định hướng phát triển không gian vùng huyện gắn kết với các vùng lân cận, phù hợp với định hướng phát triển không gian của tỉnh. Tổ chức hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật kết nối với các vùng huyện và các đô thị lân cận;

- Tổ chức không gian phát triển các điểm đô thị và dân cư nông thôn gồm động lực phát triển, cấu trúc, khung phát triển các hệ thống trung tâm, các khu vực dân cư, đáp ứng yêu cầu về nâng cao điều kiện sống của dân cư trong vùng;

- Xác định vị trí và định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm, xác định các vùng kiến trúc cảnh quan có tầm quan trọng cần tổ chức khai thác; đề xuất tổ chức không gian các khu trung tâm và hệ thống các tuyến - điểm khai thác du lịch để có các giải pháp quy hoạch và kiến trúc phù hợp, đề xuất quy chế quản lý, kiểm soát phát triển;

- Đề xuất các giải pháp tôn tạo hệ thống cảnh quan tự nhiên kết hợp với hệ thống công trình kiến trúc và cảnh quan nhân tạo;

- Đề xuất các quy định về kiểm soát phát triển không gian cho các khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực kiểm soát phát triển và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật. Đề xuất các quy định quản lý về kiến trúc cảnh quan.

- Định hướng xây dựng huyện nông thôn mới;

- Nghiên cứu đánh giá sự phù hợp của quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã với không gian quy hoạch xây dựng vùng huyện và gắn kết phát triển đô thị.

IV. Định hướng phát triển nông nghiệp.

- Hình thành các phân vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng thuận lợi cho việc áp dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, mạng lưới hạ tầng phục vụ sản xuất đáp ứng được cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung phù hợp với các tiêu vùng theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển du lịch; phát triển các vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp đặc hữu (vùng dược liệu, sâm...).

- Hình thành trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện.

- Quy hoạch phát triển các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn.

V. Định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Phát triển mới các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

VI. Định hướng triển du lịch:

Định hướng phát triển du lịch theo hướng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm gắn với xây dựng phát triển nông thôn và các dự án thuê môi trường rừng để phát triển du lịch; phát triển các cụm, điểm, mạng lưới du lịch trên địa bàn huyện gắn kết với mạng lưới du lịch của tỉnh và vùng duyên hải Miền trung – Tây nguyên.

VII. Định hướng phát triển thương mại – dịch vụ:

Trong giai đoạn 2023 - 2040, từng bước xã hội hóa việc cung cấp các dịch vụ công cho sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tại các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện hình thành mạng lưới chợ trung tâm huyện, một số loại hình tổ chức phân phối như siêu thị nhỏ, trung tâm thương mại quy mô nhỏ và vừa (chủ yếu là hạng III), cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi. Phát triển các loại hình tổ chức thương mại đặc thù tại các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung hoặc vùng ven đô thị. Hình thành các điểm giao dịch hàng hóa nông sản phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; Phát triển mạng lưới dịch vụ sản xuất nông nghiệp;

VIII. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn.

- Phát triển hệ thống đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị:

+ Phát triển trung tâm hành chính tổng hợp (trung tâm chính): Đến năm 2025 phát triển đô thị Tu Mơ Rông thành đô thị loại V, giai đoạn 2025-2030 tiếp tục hoàn thiện theo tiêu chuẩn đô thị loại V

+ Phát triển trung tâm chuyên ngành (trung tâm phụ): Trung tâm các khu vực có hướng định hình đô thị mới - Đô thị loại V giai đoạn sau 2040.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn: Xác định các điểm dân cư có tiềm năng phát triển tại các xã để tập trung đầu tư, xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí dân cư mới phát triển hàng năm.

IV. Định hướng quy hoạch sử dụng đất.

Xác định cơ cấu sử dụng đất cho các giai đoạn đến năm 2030 và 2040 trên địa bàn huyện phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

X. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội.

Tổ chức không gian hệ thống hạ tầng xã hội: Định hướng mạng lưới về giáo dục, y tế, thương mại (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trong bối cảnh mới gắn kết với các khu vực đô thị trên địa bàn huyện. Trong đó: Định hướng phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ huyện; Định hướng các khu sản xuất nông nghiệp; Quy hoạch khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Định hướng phát triển mạng lưới công trình y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT trên địa bàn huyện theo phân cấp các đô thị và các điểm dân cư nông thôn đảm bảo đúng quy chuẩn hiện hành; Định hướng phát triển hệ thống công trình cơ quan, công sở; Định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng du lịch trên địa bàn huyện; Định hướng phát triển công trình cây xanh, thể dục thể thao; Định hướng phát triển mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội khác...

XI. Các quy hoạch cần lập theo các giai đoạn phát triển.

Xác định các quy hoạch chung đô thị; quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng; quy hoạch chung xây dựng xã cần lập theo các giai đoạn phát triển.

XII. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Giao thông:

+ Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng mạng lưới giao thông, nghiên cứu các dự án giao thông quốc gia tác động đến các đô thị trong huyện. Phân tích nhu cầu sử dụng giao thông, khả năng kết nối giao thông giữa các tuyến đường quốc gia, đường tỉnh với huyện Tu Mơ Rông, từ đó đưa ra mô hình phát triển mạng lưới giao thông cho toàn huyện.

+ Tiếp tục hoàn thiện các tuyến đường tránh qua nội thị các đô thị của huyện. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng các tuyến đường hiện có đảm bảo kết nối với

tuyến giao thông đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu vực và tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông toàn tỉnh.

+ Đề xuất mô hình giao thông khu vực phù hợp với cấu trúc huyện. Tổ chức, kết nối giao thông giữa khu vực thị trấn với các điểm dân cư nông thôn trong huyện, các trung tâm chuyên ngành và các vùng lân cận.

+ Phân loại, phân cấp các tuyến giao thông đô thị - nông thôn. Xác định vị trí quy - mô, số lượng các công trình giao thông như bến xe, bãi đỗ xe, cầu công đường bộ... Thiết kế mặt cắt ngang các loại đường cải tạo, xây dựng mới; Xác định hệ thống chỉ tiêu kinh tế về quỹ đất giao thông và các chỉ tiêu kỹ thuật về tuyến đường áp dụng.

+ Tổng hợp khối lượng xây dựng và khái toán kinh phí đầu tư.

- Chuẩn bị kỹ thuật.

+ Đánh giá, xác định các loại đất thuộc phạm vi nghiên cứu theo điều kiện tự nhiên và phân loại thuận lợi, ít thuận lợi hay không thuận lợi cho xây dựng. Từ đó xác định cao độ xây dựng khống chế cho từng khu vực và cao độ các tuyến giao thông đối ngoại và các trục đường chính theo các tiêu chí đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

+ Đề xuất các yêu cầu khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, giữ được bản sắc địa hình vùng, từ đó xác định khu vực, khối lượng cần tôn nền và hạ nền. Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn.

+ Xác định các lưu vực thoát nước mặt chính ra sông, hồ và hệ thống công thoát nước mặt chính. Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến thiên nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập..., cung cấp nước cho nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng.

+ Nêu các yêu cầu về giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác... Yêu cầu giải pháp kỹ thuật cho các khu vực giáp ranh giữa phát triển mới và hiện trạng tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu.

+ Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

- Cấp nước.

+ Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước cho khu vực các đô thị huyện Tu Mơ Rông và các xã dân cư nông thôn. Đánh giá trữ lượng và chất lượng nguồn nước mặt và nước ngầm trong địa bàn huyện Tu Mơ Rông (hoặc rộng hơn là vùng tỉnh Kon Tum).

+ Lựa chọn nguồn nước sử dụng cho các giai đoạn phát triển khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Tu Mơ Rông, trong đó ưu tiên chiến lược cấp nước sạch theo hướng khai thác sử dụng nguồn nước mặt.

+ Xác định quy mô các công trình đầu mối cấp nước; Xác định vị trí công trình đầu mối, công suất khai thác; Mạng lưới đường ống cấp nước... Tính toán cải tạo mở rộng quy mô công suất nhà máy nước hiện có hay xây mới để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho huyện Tu Mơ Rông trong các giai đoạn phát triển. Thiết kế bổ sung mạng lưới cấp nước cho các đô thị huyện Tu Mơ Rông, các khu đô thị mới và các xã dân cư nông thôn.

+ Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và nhà máy xử lý.

+ Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

- Cấp điện, năng lượng, thông tin liên lạc

+ Xác định chỉ tiêu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị huyện Tu Mơ Rông, các khu vực phát triển mới và các điểm dân cư nông thôn.

+ Dự báo nhu cầu sử dụng điện trên cơ sở số liệu kinh tế huyện Tu Mơ Rông, từ đó từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển của khu vực.

+ Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Tu Mơ Rông.

+ Sơ bộ xác định khối lượng xây dựng, khái toán đầu tư hệ thống cấp điện.

- Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

+ Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn và nhu cầu đất nghĩa trang cho khu vực các đô thị huyện Tu Mơ Rông mở rộng trong tương lai và các điểm dân cư nông thôn.

+ Thiết kế mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt. Xác định vị trí, quy mô công suất trạm xử lý nước thải. Định hướng về công tác thoát nước thải, các yêu cầu vệ sinh đối với các loại nước thải sau khi xử lý.

+ Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý CTR. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển CTR hiện có và đề xuất vị trí các điểm trung chuyển CTR mới. Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn theo quy hoạch cấp vùng.

+ Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang.

+ Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

XIII. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường vùng.

- Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (đô thị, nông thôn, các khu vực bảo tồn,...) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện.

- Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường. - Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

XIV. Các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện.

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.

+ Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.

+ Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư. + Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hoá truyền thống trên địa bàn huyện.

- Các chương trình đầu tư.

+ Trên cơ sở của đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

+ Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho huyện Tu Mơ Rông với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển du lịch, phát triển đô thị dịch vụ hậu cần, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối HTKT cấp vùng.

+ Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.

- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện.

+ Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của huyện Tu Mơ Rông (khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ... từ đó xác định

nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

+ Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

+ Đề xuất nguồn lực thực hiện.

XV. Quy định quản lý quy hoạch:

Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và có các sơ đồ kèm theo.

-----o0o-----



PHẦN VII
HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ;
KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thành phần hồ sơ.

- Hồ sơ của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện tuân thủ theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, cụ thể: Sản phẩm gồm 01 bộ hồ sơ màu và 06 bộ hồ sơ đen trắng.

Thành phần một bộ hồ sơ như sau:

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Hồ sơ	
			A0	A3
I	Phần bản vẽ		A0	A3
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	1/100.000- 1/50.0000	X	X
2	Bản đồ hiện trạng vùng		X	X
2.1	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên vùng	1/25.000	X	X
2.2	Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất	1/25.000	X	X
2.3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội	1/25.000	X	X
2.4	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/25.000	X	X
3	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển	1/25.000	X	X
4	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng	1/25.000	X	X
5	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng	1/25.000	X	X
II	Phần thuyết minh			
1	Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý có liên quan; các bản đồ, sơ đồ có liên quan đính kèm thuyết minh tổng hợp.	A4		
2	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện	A4		
3	Dự thảo tờ trình, quyết định phê duyệt	A4		
III	Đĩa CD-R ghi toàn bộ dữ liệu hồ sơ			

II. Kinh phí thực hiện:



Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện được tính theo Thông tư số 20/2019/TTBXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Dự toán kinh phí thực hiện: 2.149.012.000 đồng.

T T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT 10%	THÀNH TIỀN SAU THUẾ
I	Chi phí mua, pho to tài liệu	8.000.000	800.000	8.800.000
1	Quy hoạch tỉnh Kon Tum giai thời kỳ đến năm 2040	1.500.000	150.000	1.650.000
2	Quy hoạch phát triển KT-XH huyện Tu Mơ Rông	1.000.000	100.000	1.100.000
3	Quy hoạch sử dụng Đất	1.000.000	100.000	1.100.000
4	Các quy hoạch ngành, Qh nông thôn mới các xã	2.500.000	250.000	2.750.000
5	Các tài liệu khác phục vụ công tác lập quy hoạch	2.000.000	200.000	2.200.000
II	Chi phí lập nhiệm vụ và quy hoạch	1.827.965.345	161.530.707	1.989.496.051
1	Chi phí lập quy hoạch vùng huyện Tu Mơ Rông	1.409.206.500	140.920.650	1.550.127.150
2	CP lập nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tu Mơ Rông	135.640.240	13.564.024	149.204.264
3	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư	28.184.130	2.818.413	31.002.543
4	Chi phí quản lý đồ án quy hoạch	88.520.434		88.520.434
5	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	94.157.260		94.157.260
6	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	27.128.048		27.128.048
7	Chi phí thẩm định dự toán quy hoạch	2.852.539		2.852.539
8	Chi phí công bố quy hoạch	42.276.195	4.227.620	46.503.815
II	Chi phí khác	44.364.733	4.436.473	48.801.206
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSĐT, thẩm định HSMT, kết quả LCNT (tạm tính)	11.485.033	1.148.503	12.633.536



6	Chi phí kiểm toán	20.630.400	2.063.040	22.693.440
7	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	12.249.300	1.224.930	13.474.230
II	Chi phí dự phòng	93.616.504	8.298.359	101.914.863
I	TỔNG CỘNG	1.973.946.582	175.065.539	2.149.012.121

Sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

III. Tiến độ và tổ chức thực hiện.

1. Tiến độ thực hiện:

Lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Thời gian trên không kể thời gian chủ đầu tư, các cơ quan thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt hoặc các lý do khác.

2. Tổ chức thực hiện:

Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông.

Cơ quan được ủy quyền lập quy hoạch: Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Tu Mơ Rông.

Cơ quan lập đồ án quy hoạch: Lựa chọn theo quy định hiện hành.

IV. Yêu cầu bề nội dung , hình thức và đối tượng lấy ý kiến đồ án quy hoạch:

- Nội dung về hồ sơ nhiệm vụ và đồ quy hoạch lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị. Ủy ban nhân dân các xã có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch vùng huyện trong việc lấy ý kiến.

- Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.



- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, giải trình, tiếp thu và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày đối với cơ quan, 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

-----o0o-----

PHẦN VIII
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Với các cơ sở và các luận chứng đã được xác định nêu trên, Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2040, tầm nhìn 2050 là cơ sở để quản lý quy hoạch, lập quy hoạch điều chỉnh, cập nhật và lập mới quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các khu chức năng phục vụ lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị đồng bộ về không gian kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện. Góp phần phát triển kinh tế huyện Tu Mơ Rông phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Kon Tum. Tạo nền tảng bền vững cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và tỉnh Kon Tum nói chung.

Kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum xem xét thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch để thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định hiện hành./.

-----o0o-----

